

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2021

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Trần Đình Nhiễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Tấn** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị B**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 18, xã HX, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1969.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 13, xã HX, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Hiện trú tại: **Xóm MN, xã VN**, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau vào ngày 12/12/1990, đăng ký tại UBND xã HX, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, hoàn toàn tự nguyện. Tình cảm vợ chồng lúc đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống không hợp nhau, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Khu 18, xã HX, huyện Thanh Thủy từ năm 2010, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Công, sinh ngày 12/8/1995 và Nguyễn Thị Yên, sinh ngày 15/9/1997. Hiện các con đều thành niên có khả năng lao động nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Trong biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và **Chị B** kết hôn vào ngày 12/12/1990 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HX, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, hôn nhân do hai bên tự nguyện. Từ khi kết hôn với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình không có sự thống nhất với nhau, gia đình cũng hợp và nói chuyện với nhau nhưng **Chị B** đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2010, kể từ đó vợ chồng sống ly thân, nay **Chị B** yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định có 02 con chung là Nguyễn Văn Công, sinh ngày 12/8/1995 và Nguyễn Thị Yên, sinh ngày 15/9/1997. Cả hai con đều đã trưởng thành, tự lao động nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định không có.

***Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HX, huyện Thanh Thủy xác định:**

Anh **Quyền** và **Chị B** đăng ký kết hôn với nhau ngày 12/12/1990 tại UBND xã HX, huyện Thanh Thủy. Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu thì hòa thuận nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ năm 2010, **Chị B** đã về nhà bố mẹ đẻ để ở tại Khu 18, xã HX, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ và ly thân với **anh Quyền** từ đó đến nay. **Anh Quyền** ở nhà tại Khu 13, xã HX làm công việc tự do. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của **Chị B**, xử cho **Chị B** được ly hôn **anh Quyền**.

Về con chung: xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Công, sinh ngày 12/8/1995 và Nguyễn Thị Yên, sinh ngày 15/9/1997. Hiện các con đều thành niên có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: **Chị B** và **anh Quyền** xác định không có và không đề nghị giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: **Chị B** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Quá trình giải quyết, **anh Quyền** đã được Tòa án thông báo hợp lệ đến tham gia các phiên họp Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải nhưng anh đều vắng mặt. **Chị B** có đơn đề nghị không tiến hành phiên họp hòa giải. Như vậy, vụ án không thuộc trường hợp không hòa giải được quy định tại Khoản 4, Điều 207 BLTTDS.

Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B kết hôn với anh Nguyễn Văn Q vào ngày 12/12/1990, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã HX, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa **Chị B**, **anh Quyền** đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay **Chị B** và **anh Quyền** không còn thực tế chung sống, vợ chồng ly thân từ năm 2010 không ai còn quan tâm đến nhau. Nay **Chị B** xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn **anh Quyền**, **anh Quyền** đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa **Chị B** và **anh Quyền** đã trầm trọng; tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, không hợp tác tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành. Qua xác minh tại UBND xã HX, xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài và đã sống ly thân nhiều năm. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của **Chị B**, xử cho chị được ly hôn với **anh Quyền** là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: **Chị B**, **anh Quyền** xác định có 02 con chung là Nguyễn Văn Công, sinh ngày 12/8/1995 và Nguyễn Thị Yên, sinh ngày 15/9/1997. Cả hai con đều đã trưởng thành, tự lao động hai bên không yêu cầu xem xét nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: **Chị B**, **anh Quyền** đều xác định không có và không đề nghị giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: **Chị B** phải chịu án phí theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

*Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: **Chị B, anh Quyền** có 02 con chung là Nguyễn Văn Công, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Yên, sinh năm 1997; hiện con chung đã thành niên nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: **Chị B, anh Quyền** không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005856 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HX;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Viết Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Lâm

Đoàn Hồng Canh

Lương Viết Tú